



CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO THẠC SĨ

Ngành: Quản lý kinh tế
Economic Management

I. THÔNG TIN CHUNG VỀ CHƯƠNG TRÌNH

Đơn vị được giao quản lý	Khoa Kinh tế
Tên chương trình	Quản lý kinh tế
Trình độ đào tạo	Thạc sĩ
Mã số ngành đào tạo	8340410
Định hướng đào tạo	Ứng dụng
Tổng số tín chỉ	60
Thời gian đào tạo	2 năm
Ngôn ngữ đào tạo	Tiếng Việt
Tên văn bằng tốt nghiệp	Thạc sĩ Quản lý kinh tế
Thời gian cập nhật, điều chỉnh CTĐT	04/2022
Quyết định ban hành	Số 569/QĐ-ĐHNT ngày 16/5/2022

II. GIỚI THIỆU CHƯƠNG TRÌNH

Chương trình đào tạo thạc sĩ Quản lý kinh tế trang bị những kiến thức tổng quát và chuyên sâu về lĩnh vực quản lý kinh tế nhằm tăng cường năng lực quản lý, lãnh đạo cho cán bộ viên chức trong các cơ quan quản lý khu vực công và các khu vực kinh tế khác để giải quyết các vấn đề liên quan đến định hướng chiến lược phát triển, hoạch định và thực thi chính sách, quản lý kinh tế ở các cấp độ và khu vực khác nhau.

III. MỤC TIÊU ĐÀO TẠO

Chương trình đào tạo thạc sĩ Quản lý kinh tế nhằm giúp cho người học bổ sung, cập nhật, nâng cao kiến thức chuyên môn và năng lực hoạt động nghề nghiệp với các mục tiêu sau:

1. PEO1: Có tri thức phương pháp luận và thế giới quan khoa học, ý thức trách nhiệm; kiến thức nâng cao về khoa học quản lý, quản trị và kinh tế; năng lực tổ chức và quản lý các hoạt động nghề nghiệp tiên tiến; khả năng sáng tạo, thích nghi và tự định hướng; năng lực ngoại ngữ và công nghệ thông tin để vận dụng vào cuộc sống, học tập và công việc;
2. PEO2: Có kiến thức tổng quát và chuyên sâu về quản lý, quản lý kinh tế để thực hiện các nhiệm vụ quản lý kinh tế trên cấp độ quốc gia, vùng, ngành, lĩnh vực và địa phương; giải quyết kịp thời các vấn đề thực tế nảy sinh trong hoạt động quản lý kinh tế;

3. PEO3: Có năng lực phân tích, đánh giá chính sách kinh tế - xã hội; hoạch định và tổ chức thực hiện chiến lược, chính sách, chương trình phát triển kinh tế - xã hội;
4. PEO4: Có năng lực lãnh đạo, quản lý chuyên môn, làm việc độc lập, nắm bắt cơ hội kinh doanh, huy động và tổ chức nguồn lực để hiện thực hóa các mục tiêu quản lý kinh tế.

IV. CHUẨN ĐẦU RA CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

Sau khi hoàn thành chương trình đào tạo thạc sĩ ngành Quản lý kinh tế, người học có những phẩm chất và năng lực sau:

1. PLO1: Có cơ sở lý luận triết học áp dụng cho công việc học tập, nghiên cứu thuộc lĩnh vực đào tạo; vận dụng các kiến thức hiện đại về phương pháp luận khoa học, khoa học quản trị, quản lý và kinh tế để phát triển nghề nghiệp; có trách nhiệm trong công việc, đạo đức nghề nghiệp và trách nhiệm xã hội;
2. PLO2: Vận dụng kỹ năng tư duy sáng tạo, tư duy phản biện, khả năng nghiên cứu, phát hiện và giải quyết vấn đề, năng lực ngôn ngữ và khả năng truyền đạt tri thức để làm việc hiệu quả trong lĩnh vực chuyên môn nghề nghiệp; đạt năng lực ngoại ngữ bậc 4/6 theo Khung năng lực ngoại ngữ của Việt Nam, ứng dụng công nghệ thông tin nâng cao để giải quyết công việc chuyên môn;
3. PLO3: Áp dụng kiến thức chuyên môn để thực hiện các nhiệm vụ quản lý kinh tế trên cấp độ quốc gia, vùng, ngành, lĩnh vực và địa phương;
4. PLO4: Vận dụng lý thuyết kinh tế và quản lý hiện đại để nhận diện, phân tích và giải quyết kịp thời các vấn đề thực tế nảy sinh trong hoạt động quản lý kinh tế các khu vực của nền kinh tế, đặc biệt là khu vực công;
5. PLO5: Hoạch định và tổ chức thực hiện chiến lược, chính sách, chương trình phát triển kinh tế - xã hội trong khu vực công và các khu vực kinh tế khác;
6. PLO6: Phân tích và đánh giá chiến lược, chính sách, chương trình phát triển kinh tế - xã hội;
7. PLO7: Huy động và tổ chức nguồn lực để thực hiện các mục tiêu quản lý kinh tế;
8. PLO8: Làm việc độc lập và làm việc nhóm chuyên nghiệp, chính trực, tự học, tự nghiên cứu, sáng tạo và hội nhập.

V. MA TRẬN TƯƠNG THÍCH GIỮA CHUẨN ĐẦU RA VÀ MỤC TIÊU ĐÀO TẠO

PEOs	Chuẩn đầu ra - PLOs							
	1	2	3	4	5	6	7	8
1	x	x						
2			x	x				
3					x	x		
4							x	x

VI. VỊ TRÍ VIỆC LÀM

1. Cán bộ lãnh đạo, quản lý kinh tế tại các cơ quan quản lý nhà nước các cấp, bộ, ngành và địa phương.
2. Nhà quản lý kinh tế tại các tổ chức, doanh nghiệp.
3. Các chuyên gia tư vấn thực thi chính sách cho các doanh nghiệp, cơ quan quản lý.

VII. QUY ĐỊNH TUYỂN SINH

1. Chuẩn đầu vào và điều kiện về văn bằng đại học

Người học phải tốt nghiệp đại học (hoặc trình độ tương đương trở lên) ngành đúng, phù hợp và ngành gần; có trình độ ngoại ngữ bậc 3 theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam hoặc tương đương trở lên.

TT	Ngành đào tạo	Yêu cầu bổ sung kiến thức	Các yêu cầu khác
1	Ngành đúng - Quản lý kinh tế, Quản lý công, Quản lý nhà nước, Quản lý công nghiệp, Kinh tế, Kinh tế phát triển, Kinh tế chính trị, Kinh tế đầu tư, Kinh tế quốc tế. -Quản trị kinh doanh, Marketing, Kinh doanh thương mại	không	-
2	Ngành gần, ngành phù hợp 1) Các ngành thuộc nhóm ngành Quản trị - Quản lý: Khoa học quản lý, Quản trị nhân lực, Quản lý tài nguyên tài nguyên môi trường, Quản lý đất đai, Quản lý xây dựng, Quản lý thủy sản, Hệ thống thông tin quản lý, Quản trị văn phòng, Quan hệ lao động, Quản trị dự án,... 2) Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành, Quản trị khách sạn, Quản trị nhà hàng và dịch vụ ăn uống, Bất động sản, Kinh doanh quốc tế, Kinh doanh thương mại, Thương mại điện tử, Tài chính – Ngân hàng, Bảo hiểm, Kế toán, Kiểm toán, Thị trường chứng khoán, Thống kê kinh tế, Toán kinh tế, Kinh doanh nông nghiệp, Kinh tế nông nghiệp, Kinh tế thủy sản, Kinh tế vận tải, Luật kinh tế,...	Có	Từ 1 năm trở lên

2. Danh mục học phần bổ sung kiến thức:

Tùy theo chương trình học ghi trong bảng điểm, học viên thuộc đối tượng có bằng đại học ngành gần hoặc phù hợp phải học bổ túc tổng khối lượng các học phần không quá 12 tín chỉ. Học viên sẽ chọn trong số các học phần sau:

TT	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ
1	ECS329	Kinh tế vi mô	3(3-0)
2	ECS330	Kinh tế vĩ mô	3(3-0)
3	BUA325	Quản trị học	3(3-0)
4	BUA336	Luật kinh doanh	3(3-0)

3. Phương thức tuyển sinh

Xét tuyển hoặc xét tuyển kết hợp với thi tuyển (nếu cần chọn lọc học viên theo chỉ tiêu tuyển sinh cho phép) theo đề án tuyển sinh từng năm

VIII. CẤU TRÚC CHƯƠNG TRÌNH

Phần	Nội dung		Khối lượng	Tỷ lệ
1	Tổng quát		15 TC	25%
	Bắt buộc	Học phần Triết học (4 tín chỉ đối với ngành khoa học xã hội và nhân văn). Tiếng Anh (6 tín chỉ).	10 TC	17%
	Tự chọn	Các học phần kiến thức và kỹ năng tổng quát phục vụ cho hoạt động chuyên môn nghề nghiệp hiệu quả.	5 TC	8%
2	Ngành và chuyên ngành		30 TC	50%
	Bắt buộc	Các học phần có nội dung thiết yếu của ngành, chuyên ngành nhằm bổ sung, cập nhật và nâng cao kiến thức, kỹ năng nghề nghiệp.	21 TC	35%
	Tự chọn	Các học phần mở rộng và nâng cao kiến thức của ngành, liên ngành hoặc đa dạng hoá hướng chuyên môn.	9 TC	15%
3	Thực tập, nghiên cứu ứng dụng hoặc triển khai			
	Bắt buộc	Thực tập, đi thực tế, trải nghiệm quản lý; nghiên cứu triển khai, kiểm nghiệm, ứng dụng lý thuyết, khoa học và công nghệ vào thực tiễn sản xuất, kinh doanh và quản lý.	6 TC	10%
4	Tốt nghiệp			
	Bắt buộc	Học phần tốt nghiệp: Đề án tốt nghiệp thạc sĩ	9 TC	15%
Tổng số tín chỉ của chương trình			60 TC	100%

IX. NỘI DUNG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

1. Khung chương trình đào tạo

Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Học phần tiên quyết
1. Kiến thức tổng quát		15	
1.1. Các học phần bắt buộc		10	
POS502	Triết học/ Philosophy	4(4-0)	
FLS501	Tiếng Anh học thuật 1/ <i>Academic English 1</i>	3(3-0)	
FLS502	Tiếng Anh học thuật 2/ <i>Academic English 2</i>	3(3-0)	
1.2. Các học phần tự chọn		5	
1.2.1.	Nhóm học phần tự chọn 1 (chọn 1 học phần)	2	
BUA525	Khoa học quản lý/ Scientific Management	3(3-0)	
BUA529	Quản lý dự án/ Project Management	3(3-0)	
TRE512	Thương mại điện tử/ E-Commerce	3(3-0)	
1.2.2.	Nhóm học phần tự chọn 2 (chọn 1 học phần)	2	
GS510	Phương pháp luận khoa học/ Scientific Methodology	2(2-0)	
GS512	Tư duy phản biện và tư duy sáng tạo/ Critical and Creative Thinking	2(2-0)	
2. Kiến thức cơ sở và chuyên ngành		30	
2.1. Các học phần bắt buộc		21	
ECS530	Kinh tế vi mô ứng dụng/ Applied Microeconomics	2(2-0)	
ECS531	Kinh tế vĩ mô ứng dụng/ Applied Macroeconomics	2(2-0)	
ECM516	Phương pháp nghiên cứu trong quản lý / Research Methods for Management	3(3-0)	
BUA528	Quản trị chiến lược trong các tổ chức công/Strategic Management in Public Organisations	3(3-0)	
BUA508	Lãnh đạo trong khu vực công/ Public Sector Leadership	2(2-0)	
ECS532	Chiến lược phát triển vùng và địa phương/ Strategies for Local and Regional Development	3(3-0)	
ECM521	Phân tích chính sách kinh tế -xã hội/ Socio-Economic Policy Analysis	3(3-0)	
ECM508	Quản lý nhà nước về kinh tế/ State management for economic	3(3-0)	
2.2. Các học phần tự chọn		9	
ECM517	Quản lý chất lượng dịch vụ công/Public Service Quality Management	3(3-0)	
ECS537	Kinh tế công cộng/ Public economics	3(3-0)	
ECM520	Quản lý tài nguyên và môi trường / Environment And Natural Resources Management	3(3-0)	
FIB510	Quản lý tài chính công/ Public Financial Management	3(3-0)	
ECM522	Phát triển kinh tế biển bền vững/Sustainable Ocean Economy Development	3(3-0)	
MAR505	Marketing địa phương/ Marketing Places	3(3-0)	

ECS536	Chính sách phát triển kinh tế/ The Policy for economic development	3(3-0)	
TRE511	Hội nhập kinh tế quốc tế/International Economic Integration	3(3-0)	
3. Thực tập		6	
ECM523	Chuyên đề thực tế	6	
4. Tốt nghiệp		9	
ECO7900	Đề án tốt nghiệp thạc sĩ	9	
Tổng cộng:		60	

2. Ma trận thể hiện sự đóng góp của các học phần để đạt được chuẩn đầu ra

TT	Mã HP	Tên học phần	Số TC	Chuẩn đầu ra (PLOs)							
				1	2	3	4	5	6	7	8
I	Kiến thức tổng quát										
	Các học phần bắt buộc										
1	POS501	Triết học	4	I							R
2	FLS501	Tiếng Anh B2.1	3		I						I
3	FLS502	Tiếng Anh B2.2	3		R						R
	Các học phần tự chọn										
4	BUA525	Khoa học quản lý	3	R							R
5	BUA529	Quản lý dự án	3	R							
6	TRE512	Thương mại điện tử	3	R							
7	GS510	Phương pháp luận khoa học	2	I	R						R
8	GS512	Tư duy phản biện và tư duy sáng tạo	2	I	R						R
II	Kiến thức cơ sở và chuyên ngành										
	Các học phần bắt buộc										
9	ECS530	Kinh tế vi mô ứng dụng	2			R	R				
10	ECS531	Kinh tế vĩ mô ứng dụng	2			R	R				
11	ECM516	Phương pháp nghiên cứu trong quản lý	3			R	R		R		
12	BUA528	Quản trị chiến lược trong các tổ chức công	3			R	R				
13	BUA508	Lãnh đạo trong khu vực công	2							R	R
14	ECS532	Chiến lược phát triển vùng và địa phương	3					R	R	R	
15	ECM521	Phân tích chính sách kinh tế -xã hội	3					R	R	R	
16	ECM508	Quản lý nhà nước về kinh tế	3			R	R		R	R	
	Các học phần tự chọn										
17	ECM517	Quản lý chất lượng dịch vụ công	3				R		R		
18	ECS537	Kinh tế công cộng	3			R	R				

19	ECM520	Quản lý tài nguyên và môi trường	3			R	R				
20	FIB510	Quản lý tài chính công	3						R	R	
21	ECM522	Phát triển kinh tế biển bền vững	3						R	R	
22	MAR505	Marketing địa phương	3					R		R	
23	ECS536	Chính sách phát triển kinh tế					R	R	R		
24	TRE511	Hội nhập kinh tế quốc tế					R	R	R		
III Thực tập / hoặc Nghiên cứu khoa học											
25	ECM523	Chuyên đề thực tế	3			R	R	R	M		R
IV Tốt nghiệp											
26	ECO7900	Đề án tốt nghiệp thạc sĩ	9			R	R	R	M		R

X. HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

Chương trình đào tạo được thực hiện theo kế hoạch tiêu chuẩn trong 4 học kỳ: 3 học kỳ đầu học các học phần kiến thức chung, kiến thức ngành và chuyên ngành, học kỳ thứ tư thực hiện thực tập, nghiên cứu ứng dụng hoặc triển khai và/hoặc làm luận văn, đề án tốt nghiệp.

Nhà trường công bố kế hoạch học tập của cả năm học trước khi năm học mới bắt đầu. Căn cứ kế hoạch học tập theo từng năm học/học kỳ và kế hoạch đào tạo theo thời gian của chương trình đào tạo, Phòng Đào tạo Sau Đại học và cố vấn học tập (nếu có) hoặc Ban chủ nhiệm chương trình tư vấn học viên đăng ký các học phần tự chọn phù hợp với hướng chuyên môn của học viên.

Các phương pháp và hoạt động dạy - học nhằm giúp người học đạt được chuẩn đầu ra; các phương pháp kiểm tra - đánh giá kết quả học tập của người học đảm bảo độ giá trị, độ tin cậy và tính công bằng được công bố công khai và được thực hiện một cách phù hợp và hiệu quả trong quá trình tổ chức đào tạo.

Các hoạt động hỗ trợ người học như cho mượn, truy cập tài liệu tại Thư viện; sử dụng cơ sở vật chất trang thiết bị thí nghiệm phục vụ học tập và nghiên cứu, giới thiệu nơi thực tập... được Nhà trường chú trọng nhằm đảm bảo và nâng cao chất lượng đào tạo.

TRƯỞNG KHOA



PGS.TS. Hồ Huy Tựu

BAN CHỦ NHIỆM CTĐT



PGS. TS. Nguyễn Thị Kim Anh

HIỆU TRƯỞNG



HĐ PHÁT TRIỂN CTĐT

